

Đương Số: Nguyễn Hồng Phúc - Dương Nam
 Cung mệnh: **Dinh Hợi** - Thai Nguyên: **Mậu Dần**
 Thân Vượng: **Mộc 27/50**
 Dụng Thần: **Hỏa** Kim

XemTuong.net
 lá số tử trù và bình giải

Trụ Năm 2020			Trụ Tháng 11			Trụ Ngày 07			Trụ Giờ 14:01		
Sát CANH	TÝ	Bệnh Tử	Thương ĐINH	HỢI	Thai	Thân GIÁP	TÙ	T.Sinh	Quan TÂN	MÙI	M.Dục
Quý Ân	Đ.Vượng		Giáp	Nhâm	Thai	Giáp	DẦN	L.Quan	Kỳ	Ất	Suy
			Tỷ	Kiêu		Tỷ	Bính	Mậu	Tài	Kiếp	Đinh
			T.Sinh	L.Quan		T.Sinh	Thực	T.Tài	Thai	Tử	Thương
Mộc Dục			Trường Sinh			Lâm Quan			Mộ		
Tướng Tinh	Không Vọng		Văn Xương	Kiếp Sát		Nguyệt Đức QN	Cô Thần		Thiên Át QN	Đại Hao	
Học Sỹ			Học Đường	Ám Lộc		Thiên Át QN	Cô Loan Sát				
Phúc Tinh			Thái Cực			Tọa Lộc					
			Tú Quý Nhân			Dịch Mã					
			Vong Thần			Thái Cực					
						Đức Quý Nhân					
						Phúc Tinh					
Đại Vận 0 (0 - 1 tuổi)			Đại Vận 1 (0 - 9 tuổi)			Đại Vận 2 (10 - 19 tuổi)			Đại Vận 3 (20 - 29 tuổi)		
Thương ĐINH	HỢI	Thai	T.Tài MẬU	TÝ	Thai	Tài KỶ	SƯU	MỘ	Sát CANH	DẦN	Tuyệt
Giáp	Nhâm			Quý		Kỷ	Tân	Quý	Giáp	Bính	Mậu
Tỷ	Kiêu			Án		Tài	Quan	Án	Tỷ	Thực	T.Tài
T.Sinh	L.Quan		L.Quan			Mộ	Dưỡng	Q.Đói	L.Quan	T.Sinh	T.Sinh
Đại Vận 4 (30 - 39 tuổi)			Đại Vận 5 (40 - 49 tuổi)			Đại Vận 6 (50 - 59 tuổi)			Đại Vận 7 (60 - 69 tuổi)		
Quan TÂN	MÃO	Tuyệt	Kiêu NHÂM	THÌN	Mộ	Án QUÝ	TÝ	Thai	Tỷ GIÁP	NGỌ	Tử
	Át		Mậu	Át	Quý	Bính	Mậu	Canh	Đinh	Kỷ	
	Kiếp		T.Tài	Kiếp	Án	Thực	T.Tài	Sát	Thương	Tài	
	L.Quan		Q.Đói	Q.Đói	Dưỡng	L.Quan	L.Quan	T.Sinh	L.Quan	L.Quan	
Đại Vận 8 (70 - 79 tuổi)			Đại Vận 9 (80 - 89 tuổi)			Đại Vận 10 (90 - 99 tuổi)			Đại Vận 11 (100 - 109 tuổi)		
Kiếp ÁT	MÙI	Dưỡng	Thực BÍNH	THÂN	Bệnh	Thương ĐINH	DẬU	T.Sinh	T.Tài	TUẤT	Mộ
Kỳ	Át	Đinh	Canh	Mậu	Nhâm		Tân		MẬU	Đinh	Tân
Tài	Kiếp	Thương	Sát	T.Tài	Kiêu		Quan		T.Tài	Thương	Quan
Q.Đói	Dưỡng	Q.Đói	L.Quan	Bệnh	T.Sinh		L.Quan		Mộ	Dưỡng	Q.Đói
Sát CANH	TÝ	1 tuổi	Quan TÂN	SƯU	2 tuổi	Kiêu NHÂM	DẦN	3 tuổi	Án QUÝ	MÃO	4 tuổi
	2020			2021			2022		2023		
	2025	6 tuổi		2026	7 tuổi		2027	8 tuổi	2028	9 tuổi	
Kiếp ÁT	TÝ	M.Dục	Thực BÍNH	NGỌ	Đ.Vượng	Thương ĐINH	MÙI	Q.Đói	T.Tài	KỶ	2029
Sát CANH	TUẤT	Suy	2031	12 tuổi		Kiêu NHÂM	TÝ	Đ.Vượng	2032	13 tuổi	10 tuổi
Kiếp ÁT	MÃO	L.Quan	2036	17 tuổi		Thương ĐINH	TÝ	Đ.Vượng	2037	18 tuổi	20 tuổi
Sát CANH	THÂN	L.Quan	2041	22 tuổi		Kiêu NHÂM	TUẤT	Q.Đói	2042	23 tuổi	25 tuổi
Kiếp ÁT	SƯU	Suy	2046	27 tuổi		Thương ĐINH	MÃO	Bệnh	2047	28 tuổi	20 tuổi
Sát CANH	NGỌ	M.Dục	2051	32 tuổi		Kiêu NHÂM	THÂN	T.Sinh	2052	33 tuổi	35 tuổi
Kiếp ÁT	HỢI	Tử	2056	37 tuổi		Thương ĐINH	SƯU	Mộ	2057	38 tuổi	40 tuổi
Sát CANH	THÌN	Dưỡng	2061	42 tuổi		Kiêu NHÂM	NGỌ	Thai	2062	43 tuổi	45 tuổi
Kiếp			2066	47 tuổi		Thương	2067	48 tuổi	2063	44 tuổi	50 tuổi

AI	DẬU	Tuyệt	BINH	I UAI	Mộ	ĐINH	HỢI	Thai	MÃU	I Y	Thai	KÝ	SƯU	Mộ
Sát CANH	2070 DÂN	51 tuổi Tuyệt	Quan TÂN	2071 MÃO	52 tuổi Tuyệt	Kiêu NHÂM	2072 THÌN	53 tuổi Mộ	Án QUÝ	2073 TỴ	54 tuổi Thai	Tỷ GIÁP	2074 NGỌ	55 tuổi Tử
Kiếp ẤT	2075 MÙI	56 tuổi Dưỡng	Thực BÍNH	2076 THÂN	57 tuổi Bệnh	Thương ĐINH	2077 DẬU	58 tuổi T.Sinh	T.Tài MẬU	2078 TUẤT	59 tuổi Mộ	Tài KỶ	2079 HỢI	60 tuổi Thai

Kim Hỏa Thủy Thổ Mộc ⚡ Thiên khắc địa xung

Giới Thiệu

Thân chào Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc lá số tú trụ này và luận giải cùng Quý Cháu những vấn đề mà Quý Cháu đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Cháu hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Cháu không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tú trụ, bát tự hay tú trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bù khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Cháu dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tú trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ “hành” nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Cháu nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi đều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tú trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Cháu cần phải xem **nội quy** trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tú trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Cháu đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tú trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tú trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Cháu mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemuong.net

Phân Tích Lá Số Tú Trụ

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gặp địa chi trù năm **Tý Thủy** được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhập **.

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gặp địa chi trù tháng **Hợi Thủy** được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhập **.

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gấp địa chi trụ ngày **Dần Mộc** được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **.

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gấp địa chi trụ giờ **Mùi Thổ** không thông, là vô căn.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 7.5/10

Lệnh Tháng với tú trụ

Can Năm Canh sinh tháng **Hợi** tọa ở **Bệnh** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Đinh** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Giáp** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Trường Sinh** nên được Lệnh tháng.

Can Giờ Tân sinh tháng **Hợi** tọa ở **Mộc Dục** nên được Lệnh tháng.

Thai nguyên: **Mậu Dần** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai Tức: **Kỷ Hợi** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Dần Hợi này là lục hợp Mộc cục, hơi tốt.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tú Trụ

Thai nguyên **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ**, gấp cung mệnh **Đinh Hợi** nạp âm là **Thổ** là bình hòa, theo lý là cuộc đời Quý Cháu phúc lộc bình hòa.

Thai nguyên **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ**, gấp trụ năm Canh **Tý** nạp âm là **Thổ** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ**, gấp trụ tháng **Đinh Hợi** nạp âm là **Thổ** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ**, gấp trụ ngày **Giáp Dần** nạp âm là **Thủy** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ**, gấp trụ giờ Tân **Mùi** nạp âm là **Thổ** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi già cuộc sống bình hòa.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tú trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bồ túc cho tú trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tú Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm Canh **Tý** là Kim sinh **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Đinh Hợi** là **Thủy** khắc **Hỏa**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Giáp Dần** là **Mộc** **Mộc** bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ Tân **Mùi** là **Thổ** sinh Kim.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tú trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chưa được tốt cho lắm, chưa lưu thông vẫn còn trở ngại, tuy nhiên chỉ cần khi thời cơ đến làm dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 5/8

Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai cặp can chi Giáp Dần và Canh Tý này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai 2 địa chi Dần Hợi này là lục hợp Mộc cục, hơi tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi Giáp Dần và Tân Mùi này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Thân Vượng: **Mộc** 27/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tú trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Cháu có Thân

Mộc Vượng, với số điểm phân tích của chúng tôi là **27/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **17/36** điểm là thân **Mộc** Nhược mà ở phần xét thân vượng nhược chính lại là Thân Vượng **Mộc**, và chúng tôi đoán rằng **Thân Quý Cháu ở mức Trung Bình** không vượng cũng không nhược. Để Quý Cháu Trai rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, dó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Vượng **Mộc** thì dụng thần nên là **Kim** để khắc bớt **Mộc**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Cháu là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đỗ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Cháu là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Cháu là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Cháu khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Cháu không chết úng.

Dụng Thần: **Hỏa** Kim (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là Hỏa (dụng thần 1)

Hành Hỏa đại diện cho màu tím, đỏ, cam, màu của lửa, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Nam. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến các phương diện như: Chiếu sáng, phát sáng, quang học, nhiệt độ lớn, dễ cháy, các loại dầu, các loại cồn, thực phẩm nóng, thực phẩm, cắt tóc, mỹ phẩm hóa trang, trang sức trên người, văn nghệ, văn học, dụng cụ văn phòng phẩm, học sinh văn hóa, văn nhân, tác giả, tác phẩm, biên tập, nhà giáo, hiệu trưởng, thư ký, xuất bản, công vụ, giới chính trị... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **HỎA** đều tốt cho Quý Cháu vì **HỎA** là dụng thần của Quý Cháu. Quý Cháu có thể dùng bǎn tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **HỎA**.

Quý Cháu nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Cháu dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là Kim (dụng thần 2)

Hành Kim đại diện cho màu trắng, bạc, màu ánh kim, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Tây, hướng Tây Bắc. Kim đại diện cho các sự vật như kim cương, vàng bạc, trang sức, tài chính, kinh tế, ngân hàng, quỹ tín dụng, cơ khí kim loại, máy móc, xe cộ, công cụ kim loại, đồ gia dụng bằng thép, nhôm, đồ dùng nhà bếp bằng thép, sắt, đồng hồ, gương soi. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Kim** đều tốt cho Quý Cháu vì **Kim** là dụng thần của Quý Cháu. Quý Cháu có thể dùng bǎn tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Kim**.

Quý Cháu nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Cháu dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sê tốt cho thân vượng và có cái sê tốt cho thân nhược và Quý Chú nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Chú là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Chú là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hâm bớt thân vượng. Quý Chú hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Chú có thể dùng mèo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Chú, ví dụ chữ dụng thần Quý Chú có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Chú hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi(con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Chú, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Chú mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm Canh Tý bị **Bính Ngọ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Ngọ**.

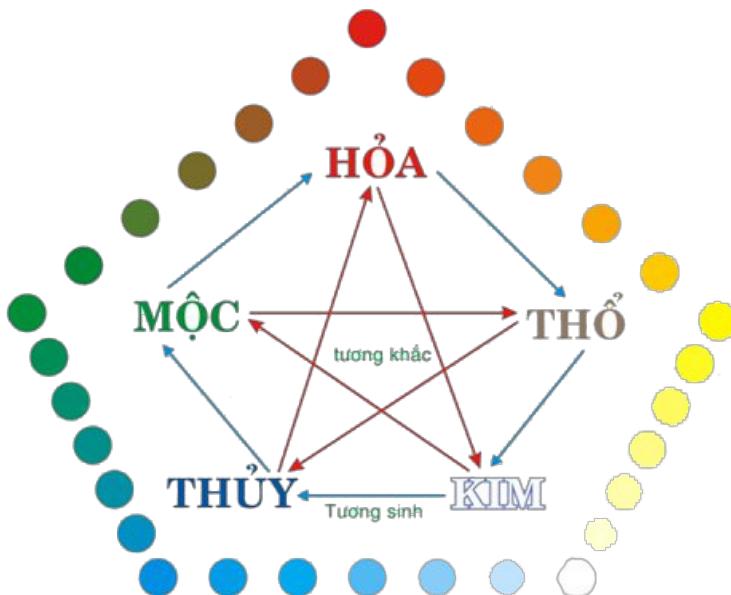
Trụ Tháng Đinh Hợi bị **Quý Tỵ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Quý Tỵ**.

Trụ Ngày Giáp Dần bị **Canh Thân** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Canh Thân**.

Trụ Giờ Tân Mùi bị **Đinh Sửu** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Đinh Sửu**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Chú nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với túc trụ, những năm đó rất xấu với Quý Chú, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Chú hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm

Ngũ hành	Mộc	HỎA	THỔ	KIM	THỦY
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (âm)	Nóng	Âm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhỏ	Vuông	Tròn	Ngoắn ngèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đồm (mật)	Tiểu trướng (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trướng (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đại	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Mộc

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Mộc có nước da hơi xanh, hai bàn tay dài, ngón tay ngón chân dài, mũi dài, thân mình cao vừa phải và hơi gầy; chân mày thưa, râu cũng thưa; cầm vuông, miệng vuông; môi hơi dày, răng bằng và hai răng cửa hơi lớn; đi đứng nhanh nhẹn, cử chỉ lanh lẹ, tiếng nói đều đều nhưng âm lượng hơi cao. Nhìn chung, người thuộc Mộc ít gặp những bất trắc lớn trong cuộc đời, dấu sống trong cảnh nghèo đói vẫn được yên ổn.

Người mà Mộc khí tú tuyệt thì lông mày không ngay ngắn, cổ dài, yết hầu lộ, da thịt kém tươi, tính cách biền lận, hay lừa dối.

Nhìn chung, người thuộc Mộc hợp với phuơng Đông, làm về các nghề mộc, giấy, trồng hoa, cây giống, hương liệu, đồ tế lễ hoặc kinh doanh về các nghề trên thì thường dễ dàng, may mắn.

Quý Cháu Người Thuộc Mộc Vượng

Người Mộc vượng thường có tầm vóc cao, tay chân dài, khoé miệng tươi, sắc mặt sáng, da trắng đẹp. Là

người thanh cao, khảng khái, có lòng bác ái. Tuy nhiên, nếu Mộc quá vượng thường hay mắc bệnh về gan, mật, thần kinh hoặc xương khớp.

Cung Mệnh ở Hợi sao Thiên thọ

Quý Cháu người sáng suốt, hay giúp người, tính ôn hoà.

Trụ năm của Quý Cháu có Thiên Quan

Trụ năm có thiên quan (sát) là con thứ, trên có anh chị. Nếu là kỵ thần thì sinh ở gia đình nghèo khó.

Trụ tháng của Quý Cháu có Thương Quan

Trụ tháng có thương quan (Thương): anh em duyên mỏng, bất hòa, bất hiếu. Trường hợp can và chi đều thương quan thì anh em vợ chồng phân ly.

Trụ ngày của Quý Cháu có Tỷ Kiên

Trụ ngày gặp tỷ kiêm (tỷ) thì hôn nhân muộn, hoặc tái hôn, nếu mang dương nhẫn thì nữ khắc chồng, nam khắc vợ. Nếu gặp xung thì đi xa không lợi, chết nơi đất khách quê người. Nói chung thì tính người bạn đời thường cố chấp, bảo thủ.

Trụ giờ của Quý Cháu có Chán Quan

Trụ giờ có chính quan thì con cái đôn hậu chính trực. Nếu tọa ở tử tuyệt thì có con mà không được nhờ cậy lúc tuổi già.

Ngày sinh của Quý Cháu là ngày Cô Loan Sát

Gặp ngày Cô Loan Sát nam thì dễ khắc vợ, nữ thì dễ khắc chồng, chậm có con.

Trong tú trụ Quý Cháu có ám lộc

Ám lộc Cho biết có sự bần cùng, tính không chân thật.

Tú Trụ của Quý Cháu có Chánh Quan và Thất Sát

Thiên quan / Thiên phúc quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, được ân huệ, phúc lộc.

Tú Trụ của Quý Cháu có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

Tú Trụ của Quý Cháu có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

Tú Trụ của Quý Cháu có Nguyệt đức quý nhân

Nguyệt đức quý nhân nếu có cả Thiên đức quý nhân thành mệnh mang Thiên Nguyệt Đức quý nhân: gặp hung hóa cát không gặp hình xung khắc phá đã tốt lại thêm tốt.

Tú Trụ của Quý Cháu có Chuyên lộc

Chuyên lộc: ngày trụ có giáp dần, ất mão, canh thân, Tân Dậu. Sao quan ở thiên can không bị hình xung khắc phá tất sẽ hiển đạt. Quý lộc thích gặp tài vận.

Tú Trụ của Quý Cháu có Thiên ất quý nhân

Thiên ất quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

Tú Trụ của Quý Cháu có Dịch Mã

Dịch mã / Trạch mã sao chủ về di chuyển điều động. Gặp xung: như ngựa hoang chạy nhảy. gặp hợp như ngựa đã buộc dây đeo yên khó lòng bay nhảy. Năm vận gặp dịch mã thì di cư thay đổi nghề nghiệp hoặc ra nước ngoài.

Trụ ngày Dịch mã gặp Đào hoa

Dịch mã gặp Đào hoa: bản thân, phiêu bạt từ xứ chết nơi đất khách.

Trụ ngày có Dịch mã và Ngày chủ mạnh

Ngày chủ mạnh: Tú trụ gặp dịch mã làm về nghành giao thông.

Trong tú trụ có Kiếp Sát

Kiếp sát: Hỷ thì xung kỵ thì hợp.

a: Chi của kiếp sát hợp với các chi khác: vì tửu sắc phá gia tài.

b: Või thiên quan cùng chi: có tai họa ngoài ý nghĩ.

c: Või hỷ dụng thần cùng chi: tài trí hơn người, thông minh mẫn cán.

Trong tú trụ có Vong Thần

Vong thần: chủ về âm thầm kín đáo tâm cơ khó lường, hỷ nộ không biểu lộ ra mặt.

a: Või hỷ dụng thần: cùng chi và quý nhân cùng trụ là người có mưu lược già dặn.

b: Või kỵ thần cùng chi và Thất sát, Dương nhẫn cùng trụ: hình vợ khắc con, hay bị kiện tụng.

c: Või kiếp tài cùng trụ thuộc về sao xấu.

Cô thần Quả Tú(trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Những người mà trong mệnh gặp quả tú là những người có nét mặt không tươi vui, hơi khắc khổ, không lợi cho người thân. Nếu mệnh người đó sinh vượng thì còn đỡ, tử tuyệt thì nặng hơn, nếu gặp cả trạch mã thì lang thang bốn phương. Nếu gặp tuần không, vong là từ bé đã không có nơi nương tựa. Gặp tang điếu thì cha mẹ mất liền nhau, suốt đời hay gặp trùng tang hoặc tai họa chồng chất, anh em chia lìa, đơn hàn bất lợi. Gặp vận tốt thì việc hôn nhân muộn, gặp vận thấp kém thì lang thang dời chuyển mãi. Mệnh nam, sinh chỗ vợ tuyệt lại còn gặp cô thần, thì suốt đời khó kết hôn, nữ mệnh sinh chỗ chồng tuyệt còn gặp quả tú thì có lấy được chồng cũng khó mà bách niên giao lão. Nam gặp cô thần nhất định tha phuơng cầu thực, nữ gặp quả tú thường là mất chồng. Cô thần, quả tú người xưa bàn rất nhiều, chủ về nam nữ hôn nhân không thuận, mệnh khắc lục thân, tai vạ hình pháp, nhưng nếu trong tú trụ phối hợp được tốt, còn có quý thần tương phù thì không đến nỗi nguy hại thậm chí "cô quả cả hai thần lại còn gặp qua ,ân, thì nhất định làm đầu đảng ở rừng sâu". Nhưng hôn nhân thường không thuận là điều chắc, hơn nữa lúc phạm vào ngày tháng sẽ khắc phụ mẫu.

Cô Loan (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa)

Cô loan: chủ yếu nói về hôn nhân không thuận. "Nam khắc vợ, nữ khắc chồng".

Học Đường (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 137)

Học đường, từ quán chủ về tú khí phát sinh, thông minh khéo léo, văn chương nổi tiếng, cuộc đời giàu sang.

Nên được sinh vượng không nên bị khắc hại, xung, phá.

Nếu có thiên át quý nhân hoặc cát tinh phù trợ thì tốt, nếu không thì tài năng khó thi tho, ý chí bị bó buộc.

Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có tú quý nhân là hòa hợp với tú khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Trạch mã (trích sách Nhập Môn Dự Đoán theo tú trụ của Trần Viên trang 230)

Trạch mã là hỉ, nhiều nhất là có tin mừng thăng quan tiến chức, ít nhất cũng là thu được lợi trong sự vận động. Mã là kị, nhiều nhất là bôn ba lao khổ, ít nhất là vất vả bận rộn. Mã gặp xung như tuần mã được thúc thêm; mã bị hợp hoặc bị hóa thì như mã bị trói. Mã tinh là thực thường nếu gặp tài vận là hỉ, phát tài rất nhanh. Nhâm thân, quý dậu là kiềm phong mã, trụ ngày người như thế là gặp mã tinh. Người xưa nói: "Đầu ngựa treo kiềm là uy trấn biên cương". Mã tinh ở trụ giờ thì thường được điều động di xa, ra nước ngoài, v.v..

Vong thần (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 155)

Vong thần, vong tức là mất, mất từ bên trong gọi là vong. Vong ở chỗ vượng trong ngũ hành (Kiếp ở chỗ

tuyệt trong ngũ hành).

Vong thần là gấp quan vượng trong tam hợp cục. Vong thần gấp tài cục là tài vượng, gấp quan cục là quan vượng, gấp thương quan cục là xì hơi.

Gặp tài quan thương mà lớn thì đòi hỏi bản thân vượng nếu gặp thân nhược là hại, gặp ấn cục là tốt.

Vong thần cát thì sắc sảo uy lực, mưu lược tính toán, liệu việc như thắn, binh cơ biến hóa, cuối cùng rồi sẽ thắng, nói năng hùng biện lưu loát, tuổi trẻ tiến nhanh.

Nói là tốt túc là chỉ khi mệnh gặp sinh vượng, quý sát. Nói xấu túc là khi mệnh rơi vào tử tuyệt, ác sát, là người ngông cuồng đảo điên, trắng đen thị phi lẩn lộn, lòng dạ hẹp hòi, đam mê tinh túc, việc quan kiện tụng, phạm quân pháp.

Nếu quý nhân kiến lộc lại gặp vong thần thì chuyên về công việc bút nghiên, văn tự, nên nghiệp nhờ việc công. Vong thần, Thất sát thì họa không nhẹ, tìm đủ mọi cách việc vẫn không thành, khắc vợ, khắc con, không nối được nghiệp ông cha, là kẻ sĩ thì vô danh.

Mệnh đã Tuần không còn gặp Vong thần thì họa không nhẹ, nghèo đói suốt đời.

Đại hao / Nguyên thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 156)

Nguyên thần còn có tên là Đại hao, là không hợp. Dương sau âm trước là có gấp khúc, gấp khúc là việc không suôn sẻ; Âm sau Dương trước là thẳng nhưng không toại nguyện tức là việc có bạo động mà không trị được, nên gọi là nguyên thần.

Nguyên thần là thần hại trong mệnh. Người trong tứ trụ đã có Thất Sát làm hại, còn gặp phải nguyên thần thì hại càng nặng hơn, không có nguyên thần thì nhẹ.

Nguyên thần tuy xấu, lưu niên đại vận gặp là không tốt, nhưng biết được điều xấu, tránh xa phuơng của nguyên thần thì có thể vô hại.

Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiêm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh.

Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia.

Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mội kho, thuần tuý không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cổ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tứ trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quần chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thế cho hung tinh.

Nếu mệnh kị kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128)

Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên át quý nhân.

Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương túc thực thần kiến lộc.

Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thế. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thi đoan trang, ham học ham hiểu biết, muôn vương lên, cuộc đời lợi đường tiến chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường.

Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường dễ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người

nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đao lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

Can năm Quý Cháu là dụng thần thì cha mẹ song toàn

Can năm sinh cho chi năm là cha yêu mẹ

Can và chi năm tương sinh cho nhau là cha mẹ hòa thuận

Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Cháu gấp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gấp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

Trụ năm gấp chính án

Trụ năm Quý Cháu gấp chính án là cha mẹ hiền lành, hay là điều thiện.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỉ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứa tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bão đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Ngày giáp ất gấp vận dần mão.

Ngày giáp ất gấp đại vận lưu niên có dần mão là chủ về kiếp tài, phá tài, khắc cha mẹ và gấp những việc phải tranh giành nhau.

Đè cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị lì dì.

Ngang vai(Tỷ), kiếp tài có thì cha mẹ không thọ.

Thiên tài là cha, quý như châu báu, ngang vai, kiếp tài là anh chị em nhiều. Người nhiều, châu báu ít, anh giànhs tôi đoạt không ai nhường ai, cuối cùng vật quý nát vỡ. Đó gọi là giànhs giật nhau châu báu hỏng, nên gọi là tǐ kiếp khắc cha.

Trụ năm Quý Cháu là dụng thần nếu gấp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Trụ giờ Quý Cháu khắc trụ năm là lúc cha mẹ mất không gặp mình.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha

bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Quan gặp vượng địa thì ông cha vinh hiển.

Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.

Tài tàng, quan thấu thì nết nhà thịnh vượng.

Can năm làm dụng thần là tốt, tức là được âm đức của cha ông để lại.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sǎn tổ nghiệp.

Năm, tháng, ngày hợp với quý nhân hoặc trạch mã, hoặc án thụ

Năm, tháng, ngày hợp với quý nhân hoặc trạch mã, hoặc án thụ và không bị khắc hại, hình, xung thì tổ nghiệp phú quý vinh hoa.

Trên trụ năm gặp tử, tuyệt, mội địa hoặc bị hình, xung, khắc hại là ông cha phiêu bạt lênh đênh.

Thiên quan mà có chế ngự thì không phải là hung, có cơm ăn áo mặc đầy đủ.

Trong Tứ trụ gặp cả vong thần, thất sát là cha ông không để lại được gì.

Tài tinh bị phá cũng là rời bỏ quê hương.

Trụ năm là thất sát, tǐ kiếp, thương quan là ông cha đói rách.

Trụ tháng phá tài quan là ông cha nghèo không để gì lại gì, tay trắng dựng cơ đồ.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

Trụ năm có thất sát, tǐ kiếp là ông cha không có một tấc đất, xa rời quê hương.

Anh Em Huynh Dệ

Tǐ kiếp Quý Cháu gặp nhiều là anh chị em đông đúc.

Tǐ kiếp Quý Cháu đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tǐ kiếp Quý Cháu đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tǐ kiếp Quý Cháu đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tǐ kiếp Quý Cháu đóng ở trạch mã là anh chị em đi xa.

Ngang vai Quý Cháu gặp lộc là anh em có địa vị cao, gia đình hưng vượng.

Tǐ kiếp Quý Cháu đóng ở trường sinh là anh chị em khỏe mạnh, tuổi thọ cao.

Trụ ngày Quý Cháu yếu, mà không có tǐ kiếp thì lấy án để tính số lượng anh em.

Trụ tháng Quý Cháu có thương quan là anh em bị thương tốn.

Trụ năm Quý Cháu gặp sát, trụ tháng gặp thương là anh em không hòa thuận.

Lệnh tháng Quý Cháu gặp xung là anh em mỗi người một phuơng.

Tǐ kiếp Quý Cháu bị xung khắc là anh em bất hoà hoặc nhiều bệnh tật.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi đưa ra những tuổi hợp với Quý Cháu về

hôn nhân như sau.

Quý Cháu Nam tuổi Canh **Tý** hợp với Nữ tuổi Tân **Dần** - **Mậu** Thân - **Kỷ** Dậu về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lối theo đê phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Cháu có thể tự ý chọn.

Vợ chồng Quý Cháu có trụ năm tương sinh hoặc thiên hợp địa hợp thì bách niên giai lão.

Quý Cháu có Can chi của ngày giống nhau là hao tổn tài, không lợi cho vợ chồng.

Nam gặp thương quan là có kết hôn hai lần, nữ gặp thương quan là có tái giá.

Nam gặp tì kiếp tất sẽ tranh vợ, nữ gặp tì kiếp sẽ tranh chồng.

Quý Cháu bị mã phục ở dưới ngang vai (anh em) thì vợ chồng lấy nhau không giá thú.

Quý Cháu Gặp phải vận thương quan là nam khắc vợ, nữ khắc chồng gặp phải tuế quân bị khắc phải đê phòng vợ chồng đều bị tổn thương.

Quý Cháu bị Cô loan nhập mệnh là chồng khóc vợ, hoặc vợ khóc chồng.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Quý Cháu có Quý nhân đóng ở ngày là vợ hiền lành, đẹp, có danh tiếng.

Chi ngày Quý Cháu là dần thân tị hơi thì vợ đôn hậu

Mệnh nam Quý Cháu lấy vượng làm phúc.

Quý Cháu có Mã nhập cung thê là được người vợ đảm đang.

Quý Cháu Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong chi tàng phục tài là thiên vị vợ lẽ.

Trong Tứ trụ tài làm dụng thần thì vợ hiền đẹp, nội trợ giỏi.

Quý Cháu Người trong Tứ trụ không có kinh dương, hành vận đến lúc gặp kinh dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Cháu có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Cháu có Trạch mã đóng ở trụ ngày là vợ nhiều bệnh hoặc lười biếng.

Quý Cháu có Tỉ kiếp, nguyệt kiến vượng là tuổi trẻ đã chết vợ.

Quý Cháu có Tứ trụ gặp cả suy và tử là đến già vẫn sống cô đơn.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đê của mỗi người. Do đó bắt kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nêu nổi, tự mình đã qua nêu không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sấp phát tài, sấp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế , đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Tài nêu tàng ẩn, tàng thì phong phú hùng hậu, Quý Cháu có tài tàng ẩn

Quý Cháu có Tài, Tài là thê tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Cháu có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có của thì khó mà quyền quý.

Trụ giờ Quý Cháu có mã tinh, không bị xung phá là lấy được vợ đẹp, được của từ bên ngoài đến, sinh con vinh hiển, tài sản hùng hậu. Đó không phải là của cha mẹ để lại, mà là được từ bên ngoài đưa đến, nên cần kiệm, không nên tiêu phí.

Quý Cháu Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân sủu, người tị, dậu, sủu gặp át mùi, người thân, tý, thìn gặp bính tuất ; người hợi, mão, mùi gặp mậu thìn, như thế gọi là thê tài tụ hội. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Quý Cháu có Thương quan gặp kiếp thì sẽ gặp của.

Quý Cháu có Thiên tài và thiên lộc, là của tự nhiên không lao động mà có, là được hưởng phúc sẵn có.

Quý Cháu Thân vượng có thể thành gia lập nghiệp

Bản thân Quý Cháu khắc trạch mã là phát của ở nước ngoài.

Quý Cháu có Thiên tài gặp quan kiêm thực thần thì chắc chắn vinh hoa.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì chau báu tự nhiên mà đến.

Trong mệnh Quý Cháu có cả lộc mã và quý nhân là người có phúc được của.

Quý Cháu có Thực thần gặp ấn là tiền của ngày một nhiều.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Quý Cháu Trong trụ vốn có quan tinh thì nên hành đến tài vận, hành tài vận sẽ sinh quan.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Tài sẽ sinh Quan.

Quý Cháu Trước tì, sau tài là trước nghèo sau giàu.

Quan tinh Quý Cháu là lộc, tài tinh là mã, hành đến tài vận thì sẽ giàu.

Trụ ngày Quý Cháu là giáp át, đến vận mà gặp dần mão thì kiếp tài phá tài.

Tài nêu tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Cháu có 1 Tài ẩn

Quý Cháu Thân vượng đến đại vận lưu niên nếu gặp tỷ kiếp thì năm đó phá tài bại nghiệp.

Ví dụ đến đại vận(10 năm) và lưu niên(1 năm) có cả tỷ và kiếp.

Tú trụ Quý Cháu không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quý Cháu có Thương quan đến đại vận và lưu niên nếu gặp Quan là năm đó tai họa liên miên.

Quan Vận

Thiên Quan Quý Cháu có chế phục lại được sinh, uy trấn biên cương (Có Thực chế, có Tài sinh).

Quý Cháu có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Quý Cháu có Lộc Mã đồng vị, quan cao hiển hách.

Quý Cháu có Quan ở cung giờ, mạng cường, tuổi về già được phong quan.

Thất Sát Quý Cháu có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Cháu có Thương Quan gặp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Cháu có Thương Quan đới Ân, nhậm chức chỉnh đốn kỷ cương trong triều.

Quan tinh sợ hình xung hại, không lợi làm quan.

Quý Cháu có Quan Sát hỗn tạp, không quý hiển được.

Quý Cháu có Tài Quan Ân đều toàn, thi đậu cao, dễ nổi danh.

Quý Cháu có Tài Quan Thực, thông minh tú khí, văn tài xuất chúng.

Nhật cường Ân vượng gặp Quan, đọc sách hơn vạn quyển.

Trụ năm Quý Cháu có Ân thụ phúc vô cùng, thụ ơn tập âm lập công danh.

Thiên Quan Quý Cháu bị chế phục thái quá, là nhà Nho nghèo, thời nay là nhà giáo.

Quý Cháu Mệnh gặp Ất Bính Đinh, đới Không vong sinh vượng, ẩn sĩ trong núi.

Ân Quý Cháu bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.

Quý Cháu có Thương Quan đới Ân, có đảm thức thao lược, thành công vượt quá sức tưởng tượng của mọi người.

Quý Cháu có Tỷ Kiên gặp Lộc, anh em danh cao.

Thời tọa Chính Quan, có tuổi mới thành danh.

Nghề Nghiệp

Quý Cháu có Thực Thương phát tiết, hợp với những nghề văn chương, thư họa, giảng dạy, nghệ thuật.

Quý Cháu có Sát Ân tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Cháu có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.

Quý Cháu có Thực Thương sinh Tài, nên học thương nghiệp, tiền tệ, tài chính, mậu dịch hoặc ngành nghề kinh doanh mang tính kỹ thuật.

Quý Cháu có Sát Ân tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Mạng Quý Cháu có Dịch Mã, hợp ngành nghề lưu động hoặc chức vụ ngoại giao.

Quý Cháu có Tỷ Kiếp trùng điệp, không hợp làm quan hoặc nghề công thương nghiệp, nên theo nghề y, kế toán, thầy giáo hoặc ngành nghề tự do là hợp nhất.

Quý Cháu có Tài chế Thiên Ân, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Cháu có Chính Quan Thiên Ân tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Thực Thần cách có cả Chính Quan và Thất Sát, hợp theo nghề không sản xuất, như y bốc tinh tướng, tam giáo cửu lưu...

Quý Cháu có Thực Thần sinh Tài, lợi kinh doanh được phẩm, ăn uống, bánh trái, thức ăn gia súc, chăn nuôi gia cầm...

Quý Cháu có Tài tinh và Dịch Mã, hợp giao thông vận tải, buôn bán, thông tin, truyền thông...

Quý Cháu có Thiên Tài gặp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia

công, nghiệp vụ, marketing...

Quý Cháu có Thiên Tài gấp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Kim

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Kim, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới kim, như kinh doanh dụng cụ kim loại, máy móc của nhà máy, xe hơi, giao thông, tiền tệ, electronics, công trình, khai khoáng. Sự nghiệp phát triển lợi hướng Trung Tây, không lợi Đông Nam.

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Hỏa

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Hỏa, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới hỏa, như nhà máy, lò gạch, phát sáng, dầu, xi măng, ăn uống nóng, thực phẩm, quân giới, bách hóa, phát điện, diễn thuyết, chính trị, tôn giáo. Lợi Đông Nam, không lợi Tây Bắc.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thắt sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tú trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lầy át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tỵ là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Cháu Quan tinh rõ mà thân vượng là người nhiều con.

Quý Cháu có Thương quan đến vận gặp tài là có con.

Trụ ngày Quý Cháu phạm cõi loạn là không có con, chỉ khi nào đến vận gặp Quan tinh thì mới có con.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can Quý Cháu giờ vượng là sinh con trai.

Quý Cháu có Quan tinh đóng ở trụ giờ là con cái tháo vát, thăng tiến.

Phàm trẻ em sinh vào ngày, giờ giáp át, thì mặt có ấn đường rộng, mắt có thần, nhân trung dài, lông mày đẹp.

Sinh vào ngày giờ tân thì mắt phượng, tai chùm miệng có dái tai to.

Trong Tú trụ Quý Cháu có 3 chữ thổ thì sinh ngoài bãi, bờ đê, hoặc chốn công trường.

Người sinh vào các giờ thìn, tuất, sứu, mùi thì lúc sinh ra nầm sấp.

Cha có thắt sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thắt sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Cháu có Can ngày can giờ khắc nhau nên lần sinh đầu là con trai.

Quý Cháu có Can ngày, can giờ là ngang vai nên lần sinh đầu là con gái.

Tú trụ Quý Cháu có thương quan gặp quan là hào con cái khó khăn.

Cung con cái Quý Cháu ở hưu, tú, tử, tuyệt, bệnh là có con cũng như không.

Trong Tú trụ Quý Cháu có quan sát, khi đến đại vận lưu niên nếu gặp thương quan, thực thần thì sẽ làm tổn thương con cái, qua vận đó mới bình thường.

Thương quan làm hại con cái, không có phúc về sau.

Quý Cháu Tuy thân mạnh nhưng bị sát xì hơi là con cái ít và không phát đạt.

Giờ sinh Quý Cháu ở thìn, tuất, sửu mùi phần nhiều là con nuôi.

Trụ ngày Quý Cháu vượng, thực, thương, quan, sát rơi vào tuần không là không có con.

Thương quan Quý Cháu bị chê ngự là cháu họ thừa tự.

Quý Cháu Trụ giờ gặp kình dương hoặc thương quan là làm tổn hại con cái.

Giờ khắc can ngày là con không kính trọng cha.

Quý Cháu Trong trụ có kim thuỷ thì đứa con chậm nói.

Trong Tứ trụ Quý Cháu có thương quan là vợ nhiều nhưng con ít.

Trụ năm Quý Cháu làm thương tổn can ngày là cha và con không thân nhau.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khẻo & Bệnh Tật

Quý Cháu có Tỷ kiêm nhiều, cả đời ít ốm đau.

Quý Cháu Sinh mùa đông, mạng không có hỏa, chỉ dưới bị hàn lạnh.

Quý Cháu Kiêu đoạt Thực nên thường có bệnh.

Mộc hỏa tương sinh mà lại quá vượng, thường cảm thấy tỳ vị căng đầy, sức ăn vẫn bình thường nhưng hẽ ăn vô liền thấy no hoặc bị đè ép, ợ hơi, buồn nôn.

Thủy mộc tương sinh mà quá vượng, nên chú ý tỳ vị hư, buồn nôn, hôi miệng, ợ hơi, kém ăn, thân thể suy nhược, mạch trầm yếu, phần bụng mềm yếu vô lực, mặt thiếu huyết sắc.

Nhật chủ cao cường, bình sinh ít bệnh.

Thổ hư mộc vượng, nhất định tỳ vị bị tổn thương.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tú trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là tú sửu dần mão...) hay sau Thập Thành thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ân, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Cháu hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Đới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thành

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiên Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Án**(Chánh Án), **Kiêu**(Phiên Án, Thiên Án), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng tròn sinh seme cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Cháu hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng tròn sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng tròn sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của túc trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Cháu có thể nhìn vòng tròn sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Cháu chưa biết gì về túc trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có Kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17		
Thương		Dưỡng	Thương		Dưỡng	Thần		Tỷ	Suy	T.Tài	
CANH	THÂN	L.Quan	CANH	THÌN	Dưỡng	KỶ	MÙI	Q.Đới	QUÝ	DẬU	Bệnh
Canh	Mậu	Nhâm	Mậu	Át	Quý	KỶ	Át	Đinh	Tân	Dưỡng	
Thương	Kiếp	Tài	Kiếp	Sát	Tài	Tỷ	Sát	Kiêu	Thực		
Dưỡng	Q.Đới	Mộ	Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng	Suy	Q.Đới	Suy	Mộ		

Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Cháu Trai
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Cháu Trai
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Cháu Trai
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Cháu Trai

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tói, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, không chế Tỷ và Kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tói, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền bính”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ẩn, công phá Thân, khắc chế Tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

3. Án (Chánh án) là cái sinh ra tội, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, án có nghĩa là con dâu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính án là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính án, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính án, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên án) là cái sinh phù tội, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm củadì ghê.

Công năng của thiên án sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên án có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên án quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà túc trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên án lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên án được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên án, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tói (là can có cùng hành và cùng dậu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại diện cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn cô. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tói (là can cùng hành nhưng khác dậu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phần đầu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thân) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dậu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thân làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thân, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên án đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì điểm phúc ít. Thực thần lâm trường

sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yếu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuẫn, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Số nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bè trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tứ trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính án. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cẩn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cùi tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tứ trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T.Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho của riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính án. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Cháu đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Cháu. Quý Cháu có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Cháu.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net